

Bản án số: **80 /2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 11/5/2021

V/v Tranh chấp “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Thanh Dũng**.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông **Huỳnh Văn Dũng**.

+ Ông **Nguyễn Phước Tường**.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Bùi Quốc Hiến** – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Không tham gia.

Ngày 11 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử công khai vụ án thụ lý số 662/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2020 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông **Đoàn Văn T**, sinh năm 1954(có mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

* Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1969 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Phần trình bày của nguyên đơn:

Tại đơn khởi kiện ngày 12/10/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Đoàn Văn T trình bày:

- Ông với bà Nguyễn Thị C cưới nhau năm 1993, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C. Ông bà chung sống hạnh phúc thời gian đầu đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không hợp tính tình, vợ chồng thường xảy ra xung đột, hôn nhân không hạnh phúc. Nên đã ly thân từ đó đến nay không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết:

-Về tình cảm: Cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị C.

-Về con chung: Ông bà có hai con chung tên: Đoàn Văn Đ1 sinh ngày 12/10/1996 và Đoàn Văn Đ2, sinh ngày 31/5/1998. Hiện nay đã thành niên và hoạt động bình thường.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Phần trình bày của bị đơn:

Bị đơn bà Nguyễn Thị C dù được Tòa án thông báo thụ lý vụ án về yêu cầu xin ly hôn của ông T và triệu tập hợp lệ đến Tòa để giải quyết vụ án nhiều lần, nhưng bà C vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến gì về việc vắng mặt của bà. Nhưng tại bản tường thuật ngày 01/12/2020 bà C nộp cho Tòa án. Bà C có ý kiến là vợ chồng ông bà có phát sinh mâu thuẫn, nhưng xin ly thân, không đồng ý ly hôn vì chờ hai con chưa lập gia đình và đồng thời vợ chồng bà cũng có tài sản chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

-Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ông T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc hôn nhân của ông với bà Nguyễn Thị C. Bà C có địa chỉ tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Về việc giải quyết vụ án vắng mặt đương sự:

Đối với bà Nguyễn Thị C dù được Tòa án thông báo thụ lý vụ án về yêu cầu xin ly hôn của ông T và được triệu tập hợp lệ đến Tòa để giải quyết vụ án nhiều lần, nhưng bà C vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến gì về việc vắng mặt của bà. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà C.

[2] Về nội dung vụ án:

-Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà C cưới nhau năm 1993, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C. Ông bà chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì ly thân cho đến nay. Theo ông T khai là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xảy ra xung đột nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nên ông bà ly thân từ đó đến nay không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Nay ông T không còn tình cảm vợ chồng với bà C nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà C.

-Xét thấy ông T với bà C cưới nhau năm 1993 có đăng ký kết hôn nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Ông bà chung sống đến năm 2019 thì ly thân, từ đó đến nay ông bà cũng không có biện pháp gì hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay ông T cương quyết ly hôn, còn

bà C vắng mặt không lý do. Nhưng tại bản tường thuật bà C nộp cho Tòa án đề ngày 01/12/2020 bà C xác định giữa vợ chồng bà với ông T có phát sinh mâu thuẫn, nhưng bà có ý kiến là xin ly thân, không ly hôn chờ hai con có gia đình. Xét thấy từ khi ly thân đến nay ông T và bà C cũng không có biện pháp gì hàn gắn tình cảm vợ chồng, bà C có ý kiến là ly thân không ly hôn chờ hai con lập gia đình là không phù hợp thực tế tình cảm vợ chồng của ông bà trong cuộc hôn nhân này và cũng không phù hợp qui định của luật hôn nhân và gia đình. Nhận thấy mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng của ông bà đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T cho ông T được ly hôn với bà C là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: ông bà có hai con chung tên Đoàn Văn Đ1 sinh ngày 12/10/1996 và Đoàn Văn Đ2, sinh ngày 31/5/1998. Hiện nay đã thành niên và hoạt động bình thường. Do đó Hội đồng xét xử không đặc ra xem xét.

- Về tài sản chung: Ông T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn bà C khai tại bản tường thuật ngày 01/12/2020 bà C nộp cho Tòa án. Bà C có ý kiến là vợ chồng ông bà có tài sản chung. Tòa án đã ra Thông báo số 04/TB-TA, ngày 27/01/2021. Thông báo cho bà C biết là nếu bà có tranh chấp tài sản chung thì phải có đơn khởi kiện, nộp chứng cứ kèm theo và nộp tiền tạm ứng án phí theo qui định pháp luật. Nhưng hết thời hạn qui định bà C không thực hiện. Do đó Hội đồng xét xử không đặc ra xem xét giải quyết về tài sản chung của ông bà. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì được quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác.

- Về nợ chung: Ông T khai không có, bà C không có ý kiến gì về nợ chung. Do đó Hội đồng xét xử không đặc ra xem xét, nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì được quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông T là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Đoàn Văn T.

- Cho ông Đoàn Văn T được ly hôn với bà Nguyễn Thị C.

3. Về án phí: Ông T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000 đồng

(Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0004253, ngày 22/10/2020 của Cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Ông T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bà C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm lại vụ án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- UBND xã B, huyện C;
- Đường sự (để thi hành);
- Lưu: TDS, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

PHẠM THANH DŨNG